

## ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CÁC CHI TRONG HỌ NGŨ GIA BÌ (ARALIACEAE Juss.) Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN ĐẠT, TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH  
Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Họ Ngũ gia bì có khoảng 70 chi và 900 loài phổ biến ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, ít khi có ở vùng ôn đới [7,8]. Ở nước ta, họ này có khoảng 19 chi và hơn 120 loài, phân bố rải rác khắp cả nước [2]. Các công trình nghiên cứu về phân loại họ Ngũ gia bì ở Việt Nam quan trọng nhất phải kể đến là F. Ganepain (Năm 1923) [4] đã mô tả và lập khóa định loại của 12 chi ở Đông dương trong đó có 10 chi có ở Việt Nam.

Một số công trình gần đây như Phạm Hoàng Hộ (2000) [5] đã lập khóa định loại 11 chi thuộc họ Araliaceae ở Việt Nam. Grushvitzky et al. (1996) [1], Nguyễn Tiến Bản (2003) đã liệt kê 19 chi và các loài trong chi có ở Việt Nam, nhưng tác giả không lập khóa định loại đến các chi [2]. Cho đến nay, danh pháp và vị trí của các taxon đã thay đổi. Cho đến nay ở Việt Nam không ghi nhận có chi *Evodiopanax*, *Pseudopanax* và *Grushvitzkyia* và ghi nhận thêm chi *Metapanax*, *Eleutherococcus*, *Gamblea* như vậy ở Việt Nam hiện nay ghi nhận 18 chi thuộc họ Araliaceae [3].

Bài báo này giới thiệu một số đặc điểm cơ bản của các chi trong họ Araliaceae ở Việt Nam.

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Đối tượng nghiên cứu là các chi thuộc họ Ngũ gia bì (Araliaceae) được ghi nhận có ở Việt Nam.

- Phương pháp nghiên cứu là phương pháp kế thừa tài liệu các tài liệu định loại có liên quan đặc biệt là các tài liệu định loại ở Việt Nam, các nước lân cận Việt Nam và các tài liệu mô tả gốc của các chi; phương pháp so sánh hình thái được dùng để định loại.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**1. ARALIA L.** 1753. Sp. Pl. 1: 273; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 520; N. T. Bản, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1066 - CUÔNG CUÔNG

Cây gỗ nhỏ hay cây bụi, có gai móc hoặc không gai, thân rễ dạng thảo, cây có hoa đực và hoa lưỡng tính hoặc lưỡng tính. Lá kép 1-3 lần lông chim; lá chét 3-20, nguyên hoặc có răng, răng nhỏ, răng tròn hoặc lượn sóng; lá kèm hợp với gốc cuống lá chét. Cụm hoa tận cùng hay nách lá, hình chùy, ngù hoặc tán, thường hợp thành tán, đầu hoặc bông đôi khi là tán đơn độc. Cuống hoa có khớp dưới bầu. Đài có 5 răng. Tràng 5, xếp lợp. Nhị 5. Bầu 5 (hoặc 6) lá noãn, thường tiêu giảm còn 3; vòi nhụy 5, rời hoặc hợp ở gốc. Quả mọng, gần hình cầu, đôi khi 3-5 góc. Hạt dẹt một bên. Phôi nhũ nguyên.

**Lectotypus:** *Aralia racemosa* L. (designated by Hitchcock, A. S. & M. L. Green. 1929).

Có khoảng 40 loài phân bố chủ yếu ở Đông Nam Á và Trung Quốc, một số ít phân bố ở châu Mỹ. Ở Việt Nam có 10 loài và 5 thứ.

**2. ARTHROPHYLLUM Blume**, 1826. Bijdr. Fl. Ned. Ind. 878; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 524; N. T. Bản, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2:1068 – TIẾT DIỆP

Cây bụi hoặc cây gỗ, thường xanh, lưỡng tính hoặc đơn tính, không có gai. Lá kép lông chim, phía trên xếp cách, phía dưới xếp đối; lá chét nguyên, lượn sóng hay có răng. Cụm hoa ở đỉnh cành dạng chùy, tán, đầu hoặc bông. Đài 5 răng rõ. Tràng 5, xếp van. Bầu 1 lá noãn. Vòi nhụy nhẵn hay gần như không có; núm nhụy tù. Quả mọng, 1 hạt.

**Typus:** Type not designated

Trên thế giới có khoảng 60 loài phân bố ở vùng Thái Bình Dương. Việt Nam có 2 loài.

Lowry and Plunkett (2010) [6] đã xếp chi này vào chi *Polycias* sensulato cùng với 6 chi khác và để các loài thuộc chi *Arthrophyllum* vào *Polycias* subgenus *Arthrophyllum*. Tuy nhiên cần có những nghiên cứu thêm về *Polycias* sensulato.

**3. BRASSAIOPSIS Decne. & Planch.** 1854. Rev. Hort. (Paris), sér. 4. 3: 106; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 505; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1069 – PHƯỚNG LĂNG

Cây gỗ hay bụi, cây có hoa đực và hoa lưỡng tính hay cây lưỡng tính, có gai hoặc đôi khi không gai. Lá đơn và không phân thùy, có thùy hình chân vịt hay xẻ chân vịt, mép nguyên hay thường có răng nhọn; lá kèm hợp với gốc cuống lá. Cụm hoa tận cùng hình chùy hay bông hoặc tán; lá bắc nhỏ hoặc không có, thường sớm rụng. Cuống lá không có khớp dưới bầu. Đài 5 răng. Tràng 5, xếp van. Bầu 2 (-5) lá noãn; số vòi nhụy bằng số lá noãn, hợp thành cột. Quả hạch, hình cầu đến bầu dục đôi khi hơi dẹt ở bên. Hạt 1 (do tiêu giảm) hoặc 2 (-5). Phôi nhũ nguyên hay nhăn nheo.

**Typus:** *Brassaiopsis speciosa* Decne. & Planch.

Tren thế giới có 45 loài phân bố ở Nam và Đông Nam Á. Việt Nam có 11 loài.

**4. DENDROPANAX Decne. & Planch.** 1854. Rev. Hort. (Paris), sér. 4. 3: 106; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 509; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1070 – THỤC SÂM

Cây gỗ hoặc bụi, thường xanh, lưỡng tính hoặc cây có hoa đực và hoa lưỡng tính, không gai. Lá đơn hay xẻ thùy chân vịt 2 hoặc 3 (5 thùy), thường có tuyến màu vàng hoặc đỏ (tuyến đôi khi chỉ nhìn thấy khi đưa ra ánh sáng), mép nguyên hoặc có ít răng không đều; lá kèm nhỏ hoặc không có. Cụm hoa ở đỉnh cành, dạng tán đơn, chùm nhỏ của tán hoặc tán phức. Cuống không có khớp ở dưới bầu. Đài nguyên hoặc 5 răng. Tràng 5, xếp van. Nhị 5. Bầu (2)-5 lá noãn; vòi nhụy rời hay hợp ở gốc, thường tạo thành cột. Quả hạch. Hạt dẹt một bên, phôi nhũ nguyên.

**Lectotypus:** *Dendropanax arboreus* (L.) Decne. & Planch. (designated by N. L. Britton & P. Wilson, 1925)

Trên thế giới có khoảng 80 loài phân bố ở vùng nhiệt đới châu Mỹ, Đông Á. Việt Nam có 11 loài.

**5. ELEUTHEROCOCCUS Maxim.** 1859. Mém. Acad. Imp. Sci. St.-Pétersbourg Divers Savans 9: 132; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 525 – NGŨ GIA BÌ (HƯƠNG)

- *ACANTHOPANAX* (Decne. & Planch.) Miq. 1863. Ann. Mus. Bot. Lugduno-Batavi 1: 3, 10; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 511; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1065.

Thân bụi, thẳng hoặc men lên, hiếm khi là gỗ nhỏ, lưỡng tính hay cây có hoa đực và hoa lưỡng tính, nhẵn hay có lông, thường có gai. Lá kép lông chim nhiều lần hoặc 3 thùy; lá kèm không có hoặc phát triển yếu. Cụm hoa đỉnh cành (hiếm khi ở nách lá) hình chùy hoặc tán đôi khi là tán đơn độc, trục thứ cấp tận cùng bằng một tán mang hoa lưỡng tính và 1 đến nhiều tán ở bên, tán bên mang hoa lưỡng tính có chức năng của hoa đực. Cuống không có khớp hoặc hơi có

khớp ở dưới bầu. Đài mép nguyên hoặc có 5 răng nhỏ. Tràng 5, xếp van. Nhị 5. Bầu 2-5 lá noãn; vòi nhụy 2-5, rời tận gốc hoặc hợp từng phần hay hợp hết chiều dài. Quả hạch, dẹt một bên hoặc gần hình cầu. Hạt dẹt một bên, phôi nhũ nguyên.

*Typus: Eleutherococcus senticosus* (Rupr. ex Maxim.) Maxim.

Trên thế giới có khoảng 40 loài ở Đông Á, vùng Himalaya. Ở Việt Nam có 3 loài

**6. GAMBLEA C. B. Clarke, 1879. Fl. Brit. India 2: 739.**

- *EVODIOPANAX* (Harms) Nakai, 1924. J. Arnold Arbor. 5: 7-8; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 512; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2:1072.

Cây gỗ hay cây bụi, thường xanh, lưỡng tính hoặc cây có hoa đực và hoa lưỡng tính, không gai. Lá kép chân vịt nhiều lần, mọc ở trên chồi ngắn hoặc dài; lá chét (1) 3-5, không cuống hoặc gần như không cuống, mép nguyên đến có răng nhọn, thường có rìa lông cứng trên răng, mặt dưới có tuyến trên trục của gân cấp 2; lá kèm không rõ. Cụm hoa ở đỉnh chồi ngắn, tán đơn hay phức hoặc chùy của tán, đơn độc hoặc có một vài cụm. Cuống không có khớp ở dưới bầu. Đài nguyên hoặc có 4 hoặc 5 răng. Tràng 4 hoặc 5, xếp van. Nhị 4 (hoặc 5). Bầu 2-4 (hoặc 5) lá noãn; vòi nhụy 2-4 (hoặc 5), rời hay hợp hết chiều dài. Quả hạch, hình bầu dục hoặc cầu hay hơi hình trứng, đôi khi dẹt một bên. Hạt 2 -4 (hoặc 5), phôi nhũ nguyên.

*Typus: Gamblea ciliata* C.B. Clarke.

Có 4 loài phân bố ở Ấn Độ, Bắc Mianma, Nêpan, Nam Trung Quốc, Bhutan, Nhật Bản, Indônêxia, Lào, Malaixia. Ở Việt Nam có 3 loài.

**7. HEDERA L. 1753. Sp. Pl. 1: 20; 2; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 511; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1073 – DÂY THƯỜNG XUÂN**

Đây leo gỗ, thường xanh, lưỡng tính hoặc cây có hoa đực và hoa lưỡng tính, bò lan hoặc leo bởi rễ khí sinh, không gai. Lá đơn, nguyên hoặc hơi có thùy, không có gai. Cụm hoa ở đỉnh cành, dạng chùm tán hoặc đôi khi là tán đơn độc. Cuống không có khớp ở dưới bầu. Đài gần nguyên hay có 5 răng. Tràng 5, xếp van. Nhị 5. Bầu 5 lá noãn; vòi nhụy hợp thành cột ngắn. Quả hạch, gần hình cầu. Hạt hình trứng, phôi nhũ nhẵn nheo.

*Typus: Hedera helix* L.

Trên thế giới có 15 loài phân bố ở Bắc châu Phi, nhiệt đới và cận nhiệt đới châu Á, châu Âu. Việt Nam có 1 loài và 1 thứ.

**8. HETEROPANAX Seem. 1866. Fl. Vit. 114; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 524; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1073 – SÂM THƠM**

Cây bụi hoặc gỗ, thường xanh, lưỡng tính, không gai, có lông hình sao. Lá kép 2-5 lần lông chim, mép nguyên; lá kèm không rõ. Cụm hoa đỉnh cành, chùy hoặc tán, tận cùng là tán hoa lưỡng tính thường có 1- nhiều tán bên mang hoa đực; lá bắc và lá bắc con tồn tại. Cuống hoa không có khớp dưới bầu. Đài 5 răng nhỏ. Tràng 5, xếp van. Nhị 5. Bầu 2 lá noãn; vòi nhụy 2, rời hay hợp đến giữa. Quả hạch, dẹt một bên. Hạt dẹt. Phôi nhũ nhẵn nheo.

*Typus: Heteropanax fragrans* (Roxb.) Seem.

Trên thế giới có khoảng 8 loài ở Đông và Đông Nam Châu Á. Việt Nam có 2 loài và 1 thứ.

**9. MACROPANAX Miq. 1856. Bonplandia (Hannover) 4: 139; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 513' N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1074 – ĐẠI LĂNG**

Cây gỗ hay bụi, thường xanh, lưỡng tính (hoặc có chức năng của hoa đực), không gai. Lá đơn, xẻ thùy chân vịt hoặc kép chân vịt, lá chét 3-7, mép nguyên hoặc có răng nhọn; lá kèm không có hoặc hợp thành phiến ngăn với cuống. Cụm hoa ở đỉnh cành, chùy hay tán; trục cấp 2 có tận cùng bằng một tán mang hoa lưỡng tính, đôi khi có những tán bên nhỏ, nở sau mang hoa lưỡng tính có chức năng của hoa đực; lá bắc nhỏ, sớm rụng. Cuống hoa có khớp dưới bầu, thường có lá bắc nhỏ. Đài 5 nguyên hoặc 5 răng. Tràng 5, xếp van. Nhị 5. Bầu 2 (hoặc 3) lá noãn; vòi nhụy hợp thành cột hay rời ở đỉnh. Quả hạch, gần cầu hay trứng, đôi khi dẹt một bên (nhất là khi khô). Hạt dẹt một bên, phôi nhũ đồng nhất, nhăn nheo hay xếp nếp.

**Typus:** Type not designated

Trên thế giới có khoảng 20 loài phân bố ở Nam và Đông Nam Á. Việt Nam có 11 loài và 1 thứ.

**10. METAPANAX J. Wen & Frodin, 2001. Brittonia 53(1): 117-120, f. 1-2 – GIẢ NHÂN SÂM**

Cây gỗ nhỏ hay cây bụi, có gai, hay không gai, có thân rễ dạng thảo, cây có hoa lưỡng tính và hoa đực hay lưỡng tính. Lá kép 1-3 lần lông chim, sống có khớp; lá chét 3-20, nguyên đến có răng, có răng nhỏ, hoặc lượn sóng; lá kèm hợp với cuống ở gốc. Cụm hoa ở đỉnh cành hay nách lá, hình chùy, ngù hay tán, thường gồm nhiều tán, đầu hoặc chùm, đôi khi dạng tán đơn độc. Cuống có khớp dưới bầu. Đài 5 răng. Tràng 5, xếp lợp. Nhị 5. Bầu 5 (hoặc 6) lá noãn thường tiêu giảm còn 3; vòi nhụy 5 rời hay hợp ở gốc. Quả mọng, gần cầu đôi khi 3-5 góc, hạt dẹt một bên, phôi nhũ nguyên.

**Typus:** *Metapanax davidii* (Franch.) J. Wen & Frodin

Trên thế giới có khoảng 40 loài, phân bố chủ yếu ở Đông Nam Á và Trung Quốc, một số ít loài phân bố ở Châu Mỹ. Việt Nam có 2 loài

**11. PANAX L. 1753. Sp. Pl. 2: 1058; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 515; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1075 – SÂM**

Cây thảo sống nhiều năm, có thân rễ mập, lưỡng tính hay có lẽ có hoa đực và hoa lưỡng tính, không gai. Thân đơn giản, có vẩy ở gốc. Lá kép nhiều lần chân vịt, mọc vòng 3-5 lá; thùy lá nguyên đến có răng nhỏ, có răng hay có thùy lông chim. Cụm hoa đơn độc, ở đỉnh cành, dạng tán. Cuống có khớp dưới hoa lưỡng tính, không có khớp dưới hoa đực. Đài có 3 răng ngắn. Tràng 5, xếp lợp. Nhị 5. Bầu 2 hoặc 3 (5) lá noãn; vòi nhụy rời hay hợp ở gốc, nhiều bằng lá noãn. Quả hạch, hình cầu đôi khi hơi dẹt hoặc có 3 góc. Hạt thường dẹt một bên, số lượng hạt bằng số lá noãn. Phôi nhũ mọt.

**Typus:** *Panax quinquefolius* L.

Trên thế giới có 8 loài phân bố ở Đông Á, Hymalaya, Indôchina, Bắc Châu Mỹ. Việt Nam có 4 loài.

**12. PENTAPANAX Seem. 1864. J. Bot. 2: 290, 294; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 518; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1076 – NGŨ ĐÌNH**

Cây gỗ hay bụi, thường xanh hay rụng lá, đôi khi phụ sinh, lưỡng tính hoặc có hoa đực và hoa lưỡng tính, không gai. Lá kép nhiều lần lông chim; lá chét nguyên đến có răng nhỏ, lá kèm không có. Cụm hoa ở đỉnh cành, dạng chùy của tán, đầu hay bông nhỏ, nhăn hay có lông, phát triển trên một chồi hoa đặc biệt, thường được bao quanh bởi nhiều lá bắc tồn tại ở gốc. Cuống hoa có khớp ở dưới bầu. Đài 2 răng nhỏ. Tràng 5(7), lợp. Nhị 5 (7). Bầu (3) 5 (-7) lá noãn; vòi nhụy hợp thành cột hay xẻ, số lượng bằng số lá noãn. Quả hạch, hình cầu hoặc bầu dục hay trứng. Hạt nhiều bằng số lá noãn; phôi nhũ nguyên.

**Typus:** Type not designated

Trên thế giới có khoảng 22 loài phân bố ở châu Á. Việt Nam có 3 loài và 1 thứ.

**13. POLYSCIAS Forst. & Forst. f. 1775.** Char. Gen. Pl. 63, pl. 32; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 516; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1077 – ĐÌNH LĂNG

- *NOTHOPANAX* Miquel. 1856. Fl. Ned. Ind. 1(1): 765.

Cây bụi hoặc gỗ, thường xanh, lưỡng tính, có hoa đực và hoa lưỡng tính hay đơn tính, không gai, thường nhẵn, đôi khi có mùi thơm. Lá kép 1-5 lần lông chim, mép lá chét nguyên hay có răng, răng nhỏ đến răng nhọn; lá kèm đôi khi ở giữa cuống lá hợp với mặt trong cuống lá hay không có. Cụm hoa ở đỉnh cành, hình chùy của tán, đầu hay bông, đôi khi có tận cùng bằng một tán hoa lưỡng tính với 1 hoặc một vài tán bên mang hoa đực. Cuống có khớp ở dưới bầu. Đài lượn sóng hoặc có 4 hoặc 5 (-8) thùy nhỏ. Tràng 4 hoặc 5 (-8), xếp van. Nhị nhiều bằng tràng. Bầu 4 hoặc 5 (-8 hay hơn) lá noãn; vòi nhụy rời hoặc hiếm khi hợp ở gốc. Quả hạch, hình trụ hoặc dẹt một bên. Hạt dẹt, phôi nữ mọc

**Typus:** *Polyscias pinnata* Forst. & Forst. f

Trên thế giới có 150 loài, phân bố ở châu Phi, châu Á nhiệt đới, Niu ghinê, Thái Bình Dương (trừ Úc và Niu Dilen). Việt Nam có 7 loài và 1 thứ.

**14. SCHEFFLERA Forst. & Forst. f. 1775.** Char. Gen. Pl. 23; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 489; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1078 – CHÂN CHIM

Cây bụi hoặc gỗ, đôi khi leo hay phụ sinh, thường xanh, lưỡng tính hoặc có hoa đực và hoa lưỡng tính, không gai. Lá kép nhiều lần chân vịt, hiếm có 1 lá chét; mép lá chét nguyên đến có răng; lá kèm hợp với gốc. Cụm hoa ở đỉnh cành dạng chùy của bông phức; hoa xếp trên tán, đầu hoặc bông; lá bắc có lông, sớm rụng hoặc tồn tại. Cuống không có khớp dưới bầu. Đài nguyên hoặc 5 răng. Tràng 5-11, xếp van. Nhị 5-11. Bầu (4 hoặc) 5-11 lá noãn; vòi nhụy hợp dọc chiều dài hoặc từng phần thành cột. Quả hạch, hình cầu hoặc trứng. Hạt (4 hoặc) 5-11, dẹt một bên; phôi nữ đồng nhất hay hơi nhẵn nheo.

**Typus:** *Schefflera digitata* J. R. Forst. & G. Forst.

Trên thế giới có khoảng 1100 loài, phân bố rộng ở vùng nhiệt đới và á nhiệt đới. Việt Nam có 56 loài và 4 thứ.

**15. SCHEFFLEROPSIS Ridl. 1922.** Fl. Malay. Penin. 1: 888; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1086 – GIÁ NGŨ GIA BÌ

Cây bụi hoặc gỗ, đôi khi leo hay phụ sinh, thường xanh, lưỡng tính hoặc có hoa đực và hoa lưỡng tính, không gai. Lá kép nhiều lần chân vịt; mép lá chét có răng; cuống dài. Cụm hoa ở đỉnh cành dạng chùy của tán. Hoa khá lớn. Đài dạng chuông cụt. Tràng 5, xếp van, đầu tù. Nhị 14-16. Bầu 8 lá noãn; núm nhụy không cuống. Quả hạch. Hạt 8.

**Typus:** *Scheffleropsis polyandra* (Ridl.) Ridl.

Trên thế giới có 4 loài. Việt Nam có 2 loài.

**16. TETRAPANAX (K. Koch) K. Koch. 1859.** Wochenschr. Gärtnerei Pflanzenk. 2: 371; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 508; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1086 – THÔNG THẢO

Cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ, thường xanh, lưỡng tính, không gai, không có lông hình sao. Lá đơn, xếp thùy chân vịt, mép nguyên đến có răng nhỏ lượn sóng; lá kèm 2, hình dùi, rời, dài 7-8

cm. Cụm hoa ở đỉnh cành, dạng chùy của tán, có lông hình sao dày đặc khi non, về già gần nhẵn. Cuống không có khớp dưới bầu. Đài gần tiêu giảm. Tràng 4 (hoặc 5), xếp van, mặt dưới có lông tơ. Nhị 4 (hoặc 5). Bầu 2 ô; vòi nhụy 2, rời thẳng khi nở hoa, về sau cong xuống. Quả hạch, hình cầu, hơi dẹt ở bên. Hạt dẹt ở bên, phôi nhũ mượt.

**Typus:** Type not designated

Trên thế giới chỉ có 1 loài có ở Việt Nam

**17. TREVESIA Vis.** 1840. Giorn. Tosc. Sc. Med. Fis. e Nat. 1: 72; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 503 – ĐU ĐỦ RỪNG

Cây bụi hoặc cây gỗ, thường xanh, lưỡng tính, có ít gai, nhẵn hoặc có lông hình sao. Lá đơn, xẻ thùy chân vịt hoặc có gốc dạng quạt và thùy thắt ở gân giữa; lá kèm dạng lưới, thường hợp. Cụm hoa đỉnh cành đến dạng chùm giả ở bên hoặc chùy của tán; lá bắc nhỏ đến lớn, tồn tại hay sớm rụng. Cuống không có khớp ở dưới bầu. Đài nguyên hoặc mép hơi có thùy nhỏ. Tràng 7-12, xếp van. Nhị nhiều bằng tràng. Bầu 6-16 lá noãn; vòi nhụy hợp thành cột ngắn. Quả hạch, hình cầu đến trứng. Hạt dẹt, phôi nhũ đồng nhất.

**Typus:** *Trevesia palmata* (Roxb. ex Lindl.) Vis.

Trên thế giới có 10 loài, phân bố ở Ấn Độ, Nepal, Đông Nam Á và Indochina. Ở Việt Nam có 5 loài và 1 thứ.

**18. TUPIDANTHUS Hook. f. & Thomson,** 1856. Bot. Mag. 82, pl. 4908; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 489; N. T. Bân, 2003. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 2: 1087 – RIÊU HOA

Cây gỗ nhỏ hoặc dây leo gỗ, thường xanh, lưỡng tính, không gai. Lá kép chân vịt; lá chét 7-10, nguyên; lá kèm hợp với cuống. Cụm hoa ở bên, hợp của nhiều tán hoặc chùy nhỏ của tán. Cuống mập, không có khớp ở dưới bầu. Đài là một rìa thấp. Tràng không rõ số lượng, dày, chất da, hóa gỗ khi khô, xếp van, sớm rụng. Nhị 25 hoặc nhiều hơn, xếp thành 2 hoặc nhiều vòng. Bầu 20-70 lá noãn, không có vòi nhụy; núm nhụy không cuống, số lượng bằng lá noãn. Quả hạch, dạng da. Hạt nhiều, phôi nhũ đồng nhất.

**Typus:** *Tupidanthus calyptratus* Hook. f. & Thomson

Trên thế giới chỉ có 1 loài có ở Việt Nam.

**Lời cảm ơn:** Các tác giả xin được cảm ơn Dự án thành phần “Tổ chức nghiên cứu các vấn đề khoa học về phân loại học và giám định mẫu sinh vật” thuộc Dự án “Xây dựng bộ sưu tập mẫu vật Quốc gia về thiên nhiên Việt Nam”.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Averyanov, A. L. et al.,** 1996. Vascular plants Synopsis of Vietnam Flora. Saint-Petersburg, Vol. 2: 16-24.
2. **Nguyễn Tiến Bân,** 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. KHKT, Hà Nội, tập 2: 1065-1088
3. **Nguyễn Văn Đạt, Trần Thị Phương Anh,** 2013. Bước đầu nghiên cứu xây dựng khóa định loại các chi trong họ Ngũ Gia Bì (Araliaceae) ở Việt Nam. Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật lần thứ 5, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, trang 44 -46.
4. **Gagnepain, F.,** 1923. Flore Générale de L'Indochine, Paris, Vol. 2: 1158-1182.
5. **Phạm Hoàng Hộ,** 2000: Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, trang 488-525.

6. **Lowry, II P. P., M. G. Plunkett**, 2010. Recircumscription of Polycias (Araliaceae) to include six related genera, with a new infragenetic classification and synopsis of species. *Plant Div. Evol.* Vol 128/1-2: 55-84.
7. **Wu, C. Y., P. H. Raven, D. Y. Hong (eds.)**, 2007. *Fl. China*, Science Press & Missouri Botanical Garden Press, Beijing & St. Louis, Vol. 13: 1–548.
8. <http://www.tropicos.org>.

## **MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF GENERA OF ARALIACEAE IN VIETNAM**

**NGUYEN VAN DAT, TRAN THI PHUONG ANH**

### **SUMMARY**

The Araliaceae has about 50 genera and 1350 species being widespread in tropical and subtropical regions of both hemispheres, much less diverse in temperate areas. In Vietnam they are represented by 19 genera and 120 species. Up to now, there are many changes in taxonomy of this family. According to our study, in Vietnam, the genera *Evodiopanax*, *Pseudopanax* and *Grushvitzkya* had not been recorded, therefore, we report the occurrence of 18 genera of Araliaceae in Vietnam.